| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN BÌNH TÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 960/2023/DS-ST
Ngày: 14-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Tý.

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân*** *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Quang Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 675/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 546/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: đường số N, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Vòng Thị Lệ D, sinh năm 1984 và ông Nguyễn Bảo L, sinh năm 1980. Cùng địa chỉ: đường số T, phường B quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* bà Lê Trần Song K, sinh năm: 1995 hoặc ông Lê Sỹ K, sinh năm: 2000. Cùng địa chỉ: đường T, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 02/8/2022 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Ngụ, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lương Hữu C, sinh năm 1980. Địa chỉ: đường số N, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 10/3/2021, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Do quen biết, bà có cho bà Vòng Thị Lệ D, ông Nguyễn Bảo L vay số tiền 500.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 14/4/2019. Các bên thỏa thuận, khi bà T cần lấy lại số tiền trên sẽ báo cho bà D, ông L trước 01 tháng.

Ngày 14/12/2019, bà T có thông báo miệng yêu cầu bà D, ông L trả lại số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 16/7/2020, bà T đã gửi thông báo yêu cầu bà D, ông L trả lại số tiền đã vay, bà D, ông L hứa hẹn nhưng không trả. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà D, ông L trả lại cho bà số tiền 500.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định bà D và ông L có trả cho bà tổng số tiền 133.000.000 đồng. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc bà D, ông L trả lại cho bà số tiền 367.000.000 đồng; yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận có vay của bà Trương Thị T số tiền 500.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 14/4/2019 và xác nhận số tiền còn nợ nguyên đơn là 367.000.000 đồng. Do đang gặp khó khăn về kinh tế nên bị đơn xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, qua tháng 2/2024 mỗi tháng sẽ trả 10.000.000 đồng đến khi trả hết số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lương Hữu C trình bày: ông là chồng của bà Trương Thị T. Ngày 14/4/2019, bà T có cho bà D, ông L vay số tiền 500.000.000 đồng. Đây là số tiền riêng của cá nhân bà T, không phải là tài sản chung của ông và bà T, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

*Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 73, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa bà Trương Thị T với bà Vòng Thị Lệ D, ông Nguyễn Bảo L là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự, có đủ cơ sở xác định: bà Trương Thị T có cho bà Vòng Thị Lệ D và ông Nguyễn Bảo L vay số tiền 500.000.000 đồng, theo giấy mượn tiền ngày 14/4/2019. Việc vay tiền có sự chứng kiến của ông C – chồng bà T. Ông C xác nhận đây là số tiền riêng của cá nhân bà T và không có ý kiến gì khác. Các đương sự cùng xác nhận số tiền bà D, ông L còn nợ bà T là 367.000.000 đồng.

[4] Bị đơn có yêu cầu được trả số tiền còn nợ nguyên đơn theo phương thức: mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, qua tháng 02 năm 2024 mỗi tháng sẽ trả 10.000.000 đồng đến khi trả hết số nợ. Nhưng nguyên đơn không đồng ý với phương thức bị đơn đưa ra.

[5] Xét thấy bên vay phải có nghĩa vụ trả đủ tiền cho bên cho vay khi đến hạn, trừ trường hợp có các thỏa thuận khác. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 367.000.000 đồng, thanh một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí:

- Bà Vòng Thị Lệ D, ông Nguyễn Bảo L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bà Trương Thị T không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 144, 147, 157, 228, 266, 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T.

Buộc bà Vòng Thị Lệ D và ông Nguyễn Bảo L trả cho bà Trương Thị T số tiền 367.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu đồng) theo giấy mượn tiền đề ngày 14/4/2019.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Vòng Thị Lệ D, ông Nguyễn Bảo L phải chịu 18.350.000 đồng (mười tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị T được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0063295 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND Quận Bình Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Minh Tâm**